

Bản án số: 68/2021/HSST
Ngày: 27/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HOÀ – TP. HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Việt Côi và ông Nguyễn Hạ Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Tuyết – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Vũ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 27 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2021/HSST ngày 15/7/2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HS ngày 29/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/HSST-QĐ ngày 12/8/2021, số 27/2021/HSST-QĐ ngày 08/9/2021 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T - sinh năm 1960; nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn An Cư, xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 10/10; con ông Phạm Văn Sở (đã chết) và bà Nguyễn Thị Duy; vợ cả: Phạm Thị Tình (đã chết 2014), vợ hiện nay: Vũ Thị Essen – sinh năm 1973, có 03 con (lớn nhất SN 1984, nhỏ nhất SN 1990); danh chỉ bản số 257 lập ngày 25/10/2020 tại Công an huyện Ứng Hòa; tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giam giữ từ ngày 16/10/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn D - sinh năm 1966; nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn Phù Lưu Thượng, xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 7/10; con ông Nguyễn Văn Thụ (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thập; có vợ Trần Thị Dung – sinh năm 1966, có 04 con (lớn nhất SN 1986, nhỏ nhất SN 1997); danh chỉ bản số 256 lập ngày 25/10/2020; tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 08/02/1999, bị TAND TP. Hà Nội xử phạt 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị tạm giam giữ từ ngày 16/10/2020 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Nguyễn Thị Hải – sinh năm 1969 (Có mặt)

Trú tại: thôn Đồng Xung, xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Đỗ Tiến Vinh – sinh năm 1965 (Có mặt)

Trú tại: thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

- Phạm Thị Thanh – sinh năm 1989 (Vắng mặt)

- Phạm Thị Huyền – sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Đều trú tại: thôn Đồng Xung, xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

** Người làm chứng:*

- Phạm Công Vũ – sinh ngày 17/7/2003 (Có mặt)

Trú tại: thôn Đồng Xung, xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

- Lê Văn Cương – sinh năm 1990 (Có mặt)

Trú tại: thôn Hậu Xá, xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đầu năm 2013, Phạm Văn T có quen biết và quan hệ tình cảm với chị Phạm Thị Thanh – sinh năm 1989 ở thôn Đồng Xung, xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội. Sau đó, chị Thanh có nhiều lần vay tiền của T. Đến khi hai bên không còn quan hệ nữa thì viết giấy chót nợ vào ngày 24/11/2013; theo đó, Thanh nợ T tổng số tiền là 160.500.000 đồng. Sau đó, Thanh đã trả T được 10 triệu đồng, số còn lại hai bên thỏa thuận cứ vào ngày cuối tháng âm lịch hàng tháng thì Thanh sẽ trả T 10 triệu đồng. Sau đó, nhiều lần đến hẹn thì T cùng bạn là Đỗ Tiến Vinh – sinh năm 1965 ở thôn Trạch Xá, xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội và Nguyễn Văn D – sinh năm 1966 ở thôn Phù Lưu Thượng, xã Phù Lưu, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội đến nhà đòi nợ nhưng đều không gặp Thanh. Có lần, bà Nguyễn Thị Hải là mẹ Thanh đã phải viết giấy khất nợ, nhận trách nhiệm trả nợ cho T.

Ngày 15/10/2020, T gọi điện cho Vinh và D nói “*Hôm nay cuối tháng rồi anh em mình đến nhà Thanh đòi nợ*”, thì Vinh và D đồng ý. Đến khoảng 15h cùng ngày, Vinh thuê taxi của anh Lê Văn Cương – sinh năm 1990 ở thôn Hậu Xá, xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội rồi cùng D đến nhà T đón T, rồi cả ba đến nhà Thanh. Khi đến chỉ có bà Hải và con trai là Phạm Công Vũ ở nhà, còn Thanh không có nhà. Thấy bà Hải, Vinh hỏi “*Tại sao ông D gọi điện thoại cho con Thanh mà không nghe máy, cái Thanh đâu rồi ?*”, bà Hải đáp “*Ông gọi số nào?*”, Vinh nói “*Cho tôi số điện thoại của cái Thanh ?*”, bà Hải đáp “*Em không có số, máy em hỏng không liên lạc được, ông gọi cho cháu xem*”. Sau đó, Vinh gọi theo số máy theo 02 số cuối mà bà Hải cho nhưng cũng không được thì đi ra xe ô tô ngồi cùng lái xe. Lúc này còn T, D và bà Hải. T và D đứng ở hè thì D nói “*Mẹ chúng mày, hẹn hết tháng này đến tháng khác không trả*”, bà Hải nói “*Cháu nó đi làm, không biết cháu nó ở đâu*”; sau đó, D vừa đi vào trong nhà vừa nói “*Hẹn bao nhiêu lần rồi, hôm nay không nói nhiều nữa, vào tháo đồ*”, rồi D rút phích cắm điện của tivi để ở kệ bê ra ngoài thì bà Hải giữ lại và nói “*Tôi xin ông cái tivi để cho cháu nó xem*”, thì D tay trái bê tivi, tay phải lấy trong túi quần ra 01 con dao nhọn giơ ra phía trước vào mặt bà Hải và quát to “*Bỏ tay ra, mày có tin tao xiên mày không, tránh ra*”, bà Hải sợ nên bỏ tay ra, D bê tivi ra ngoài hiên để gần chỗ T đứng rồi cắt dao vào túi quần. Lúc này Vinh từ ngoài xe ô tô đi vào nhìn thấy Vinh bê tivi thì nói với bà Hải “*Xin các anh ấy đi*” rồi Vinh lại đi ra xe ngồi. Tiếp đó, D đi xe taxi mượn lái xe một chiếc cờ lê rồi vào nhà lấy ghế đi ra sau nhà bà Hải

tháo cục nóng điều hòa, khi D dùng con dao trước đó đe dọa bà Hải để cắt dây điện thì dao bị gãy cán nên D vứt bỏ lại rồi gọi T cùng bê cục nóng ra xe ô tô, D trả lái xe cò lê rồi cả hai quay vào trong nhà tiếp tục tháo đôi loa ở nóc tủ và 01 đầu đĩa ở kệ tivi mang ra để ở hiên, D bê tivi và đôi loa, T bê đầu đĩa ra để vào cốp xe thì bà Hải nói với T “*Ông tháo đồ, ông phải làm giấy để trừ nợ cho cháu nó*”, T nói lại với D và Vinh thì D nói “*Không phải giấy tờ gì cả*”. Sau đó, tất cả lên xe chở theo đồ về nhà T. Khi về đến nơi, T và D bê toàn bộ số tài sản lấy được vào để ở gầm cầu thang nhà T; sau đó, Cương chở Vinh và D về nhà Vinh.

Ngày 16/10/2020, bà Hải có đơn gửi công an xã Đồng Tân trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận hồ sơ từ Công an xã Đồng Tân, Công an huyện Ứng Hòa đã triệu tập T và D đến làm việc thì cả hai xin đầu thú và khai nhận toàn bộ sự việc và tự nguyện giao nộp số tài sản lấy nhà bà Hải.

Vật chứng thu giữ: - 01 chiếc tivi hiệu LG màu đen 32 inch, model: 32LK 540 BPTA; - 01 cục nóng điều hòa hiệu Funiki màu trắng, model: HSC 09 MMC; - 02 chiếc loa hiệu Caliphate màu đen, số seri: 12722290859; - 01 chiếc đầu đĩa DVD hiệu ACNOS màu đen, số máy: SK 306E 11156210 (Đều đã qua sử dụng); - 01 tờ giấy khổ A3, một mặt viết giấy biên nhận tiền ngày 24/4/2013 giữa Phạm Thị Thanh và Phạm Văn T (bản phô tô), một mặt ghi giấy khất nợ của bà Nguyễn Thị Hải; - 01 chuôi dao bằng nhựa màu đen (kích thước 11cm x 1,5cm), 01 lưỡi dao bằng kim loại sáng màu có đầu nhọn và một cạnh sắc (kích thước 17cm x 1,5cm); - 01 cò lê bằng kim loại một đầu 14 và một đầu 17, trên thân có chữ HM.

Bản kết luận định giá số 64 ngày 03/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện Ứng Hòa kết luận: tivi LG 32 inch trị giá 2.500.000đ; cục nóng điều hòa Funiki trị giá 2.000.000đ; đầu đĩa DVD hiệu ACNOS trị giá 300.000đ; 02 chiếc loa hiệu Caliphate trị giá 1.500.000đ. Tổng giá trị số tài sản là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 27/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa truy tố Phạm Văn T và Nguyễn Văn D về tội “*Cướp tài sản*” qui định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự (Viết tắt: BLHS). Tại Công văn số 208/CV-VKS ngày 15/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 27/5/2021.

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của BLHS, xử phạt bị cáo T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; bị cáo D từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại xác nhận đã nhận số tiền bồi thường của gia đình các bị cáo là 04 triệu đồng và không có yêu cầu gì khác nên không xét.

Về số tiền vay nợ do T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên để xem xét trong vụ án khác.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chuôi dao và 01 lưỡi dao là vật chứng vụ án

Đối với Đỗ Tiến Vinh ngày 15/10/2020 đã đi cùng T và D đến nhà Nguyễn Thị Thanh đòi nợ Thanh, nhưng khi đến không có Thanh ở nhà nên Vinh đã ra xe ngồi cùng lái xe. Vinh không biết việc D mang theo dao và có hành vi dùng dao đe dọa

bà Hải để lấy tài sản; Vinh cũng không có hỗ trợ gì việc D và T lấy tài sản từ nhà bà Hải về nhà T, nên Vinh không đồng phạm.

Đối với lời khai của người làm chứng Lê Văn Cương tại phiên tòa về việc khi thấy D bê đồ ra thì nói với Vinh không chở nữa nhưng Vinh bảo cứ chở đi, tội đâu Vinh chịu. Tuy nhiên, Vinh phủ nhận tình tiết này; hơn nữa, Cương cũng thừa nhận lúc đó ngoài Cương và Vinh không còn ai khác ngồi trên xe, không còn ai khác biết việc này, nên lời khai này của Cương không đủ căn cứ để chấp nhận.

- Bị cáo T và D đều thừa nhận diễn biến sự việc như nội dung cáo trạng, thừa nhận hành vi phạm tội, đều tỏ ra ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt. Cả hai bị cáo đều cho rằng do nhận thức kém, cho rằng mục đích lấy mấy thứ đồ để mẹ con bà Hải nhanh chóng trả nợ T, không nghĩ được hậu quả lại nghiêm trọng như vậy. T cho rằng thấy D đi giúp mình mà lại nhiệt tình quá nên nể D, vì thế không ngăn cản và làm theo D. D cho rằng buổi trưa hôm đó do uống rượu cùng Vinh nên có phần thái quá; việc trước đây bị cáo khai khi về nhà T thì cả Vinh cùng tham gia bê đồ vào nhà là do hôm đó uống rượu nên khai như vậy.

- Người bị hại: Bà Hải cho rằng trước đó bị T, D và Vinh ép ký vào giấy nhận nợ do Vinh viết và bổ sung lời khai cho rằng khi Vinh đi vào thấy D ti vi ra ngoài hiên thì bảo bà Hải xin các ông ấy đi thì bà Hải có xin nhưng không được thì Vinh quay ra ngoài xe ô tô. Bà Hải xác nhận việc đã nhận lại đầy đủ số tài sản bị chiếm đoạt, xác nhận việc gia đình bị cáo T và D đã thăm hỏi, bồi thường số tiền 04 triệu đồng, nay bà không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Thanh và chị Huyền vắng mặt, bà Hải xác nhận cả hai đều đã biết về phiên tòa nhưng do đang ở vùng đỏ của dịch Covid nên không thể đến phiên Tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Tiến Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm như lời khai tại CQĐT do ở ngoài xe nên không biết việc T và D ở trong làm gì, chờ lâu không thấy T và D ra thì đi vào, khi vào thấy ti vi để ở hiên thì bảo bà Hải xin để có cái xem rồi lại đi ra xe ô tô ngồi, không biết T và D lấy những gì, khi về nhà T vẫn ngồi trên xe, không tham gia bê đồ vào nhà; đồng thời, Vinh phủ nhận toàn bộ lời khai của Cương về những tình tiết mới Cương khai tại Tòa.

- Người làm chứng Phạm Công Vũ xác nhận nội dung đã khai trong quá trình điều tra là đúng.

- Người làm chứng Lê Văn Cương trước khi mở phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn có nội dung trình bày lại sự việc. Tại phiên tòa xác nhận lại nội dung đã trình bày trong đơn: Lái xe cho rằng khoảng cách từ chỗ xe ô tô đỗ đến nhà bà Hải là 05m nên nhìn rõ ngôi nhà; khi Vinh cùng ngồi trên xe bên ghế phụ thì Đỗ Tiến Vinh chỉ ngồi chơi chứ không sử dụng điện thoại; khi Cương đang cùng Vinh ở ngoài xe ô tô thì Cương nghe thấy tiếng hét, tiếng nói to ở trong nhà bà Hải; sau đó, khi thấy D bê đồ ra xe ô tô thì Cương đoán biết việc thu đồ để trừ nợ; do sợ bị liên quan, ảnh hưởng đến công việc lái xe của mình nên Cương đã nói với Vinh (đang ngồi cùng trên xe và là người gọi thuê xe) về việc từ chối không chở nữa, bảo Vinh gọi người khác chở nhưng Vinh bảo “*Cứ yên tâm chở đi, tội gì, tội đâu tao chịu hết*”, nên Cương yên tâm, cho rằng các bên đã có sự thỏa thuận về việc lấy đồ gán nợ nên đồng ý chở tiếp. Khi bê hết đồ lên xe T có hỏi D

và Vinh về việc viết giấy trừ nợ theo yêu cầu của bà Hải thì Vinh nói “*Viết thì viết*”, còn D thì nói “*Không phải viết*”, rồi tất cả đi về nhà T. Khi về đến nhà T thì Cương vào nhà ngồi ở bàn uống nước, còn T, D và Vinh cùng bê đồ vào trong nhà; sau khi bê xong thì cả ba ra bàn ngồi uống nước và nói chuyện về việc khi nào mẹ con bà Hải đem tiền đến trả thì trả đồ; sau đó, Cương chở Vinh và D về nhà Vinh rồi chở tiếp D về nhà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đều đã thực các qui định của pháp luật.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, vật chứng vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ căn cứ xác định ngày 15/10/2020, Phạm Văn T, Nguyễn Văn D và Đỗ Tiến Vinh cùng đến nhà Phạm Thị Thanh ở thôn Đồng Xung, xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội để đòi tiền Thanh nợ T. Khi đến nhà thanh chỉ có bà Hải là mẹ của Thanh (đồng thời là chủ nhà) và em trai Thanh có ở nhà. Tại đây, sau khi Vinh đi ra ngoài xe taxi thì D đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm là dao nhọn bằng kim loại không chế, đe dọa tính mạng bà Hải để lấy tài sản, rồi D và T đã tháo dỡ và lấy của gia đình bà Hải một số tài sản gồm: 01 chiếc tivi nhãn hiệu LG 32inch, 01 cục nóng điều hòa nhãn hiệu Funiki, 01 đôi loa nhãn hiệu Caliphate và 01 chiếc đầu đĩa DVD nhãn hiệu ACNOS. Tổng giá trị số tài sản chiếm đoạt là 6.300.000đồng. Đối với Phạm Văn T mặc dù không trực tiếp dùng dao uy hiếp bà Hải để lấy tài sản, nhưng khi D thực hiện hành vi thì T đều biết, không ngăn cản mà lại tiếp nhận hành vi của D, cùng tháo dỡ, lấy tài sản nhà bà Hải. Theo qui định của pháp luật hình sự thì hành vi của T và D đã phạm vào tội “*Cướp tài sản*” qui định tại điểm d khoản 2 Điều 168 BLHS

Bởi vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn uy hiếp, đe dọa tước đoạt tính mạng của người khác, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất ổn định, trật tự trị an địa phương. Các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi nhưng cố ý vi phạm. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, vai trò, nguyên nhân và việc phân hóa tội phạm:

[4.1] Đối với Nguyễn Văn D: D chỉ là người được T rủ, nhờ đi cùng để thu nợ, không có quyền lợi liên quan, không có mâu thuẫn gì với mẹ con bà Hải nhưng lại có thái độ hung hăng, thể hiện sự bất chấp, coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe, tính mạng của người khác, là người chủ động, tích cực thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, do thái độ không có phản ứng gì của T làm cho D được củng

cổ niềm tin, cho rằng T đồng thuận với các hành vi của mình nên hành vi, thái độ ngày càng tích cực hơn. Với hành vi mang theo dao nhọn khi đi thu nợ và sử dụng dao này uy hiếp tính mạng người bị hại, làm cho người bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản nên hành vi của D đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” qui định tại điểm d khoản 2 của BLHS. D là người tích cực, chủ động trong việc thực hiện tội phạm nên giữ vai trò chính và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn T.

[4.2] Đối với Phạm Văn T: Hôm đó, cũng như mấy lần của các tháng trước, T đều nhờ Vinh và D đi cùng đến nhà Thanh để thu nợ theo thỏa thuận trong giấy nhận nợ nhưng đều không gặp được Thanh; lần này, trên đường đi gọi điện thì Thanh không nghe máy, đến nhà vẫn không gặp được Thanh nên bị cáo có phần bức xúc, không kiềm chế được bản thân, dẫn đến việc bị lôi cuốn theo hành vi của D ngay từ ban đầu cho đến khi kết thúc sự việc. Cụ thể, sau khi quát tháo, chửi bới thì D đi vào nhà và tuyên bố “bê đồ”; khi D rút dây điện, bê ti vi bị bà Hải ngăn cản thì lập tức D rút dao ra uy hiếp bà Hải. Mọi hành vi của D T đều biết nhưng không có phản ứng gì, trong khi chỉ có T mới là người có quyền lợi đang bị ảnh hưởng, chỉ T mới có quyền quyết định mọi ứng xử tại nhà bà Hải, nhưng T không làm vậy mà bị cuốn theo hành vi của D, nghe theo, làm theo D. Về ý thức chủ quan thì T đã biết rõ và tiếp nhận mục đích của D nên T cùng là đồng phạm với D về hành vi cướp tài sản, là đồng phạm có tính chất giản đơn và đều với vai trò là người thực hành. Hành vi vi phạm của D đến đâu thì T phải chịu đến đó.

[4.3] Xét về nguyên nhân, mối quan hệ và sự nhận thức: Từ hoàn cảnh gia đình éo le của bị cáo T, vợ chết và lại đang nuôi mẹ già nên mục đích quan hệ với Thanh để tiến tới hôn nhân, đã nhiều lần cho Thanh vay tiền mặc dù kinh tế vẫn đang khó khăn; sau này, quá trình tìm hiểu thấy không phù hợp nên đã chia tay và cùng thống nhất chốt lại tổng số tiền T đã cho Thanh vay. Do Thanh khó khăn, không trả được như cam kết nên trước đó bị cáo đã có những hành vi, xử sự không chuẩn mực, đã kéo theo D và Vinh đi cùng để gây áp lực buộc Thanh phải nhanh chóng trả nợ, buộc bà Hải phải viết giấy nhận nợ và cam kết trả thay cho Thanh. Cũng từ việc nhận thức hạn chế nên T và D chỉ đơn giản cho rằng lấy tài sản thì Thanh và bà Hải sẽ nhanh chóng trả tiền để lấy lại tài sản về, nên khi bà Hải yêu cầu viết giấy trừ nợ thì T và D không đồng ý viết. Với tính chất của hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, nên mặc dù động cơ, mục đích của các bị cáo khi thực hiện tội phạm là đơn giản, nhưng các bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật hình sự với hành vi đã thực hiện. Đây cũng là căn cứ xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, hoàn cảnh bản thân và gia đình các bị cáo: Bị cáo D có nhân thân xấu. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng. Cáo bị cáo đều nhận thức được sai phạm, đều xin đầu thú và giao nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt, đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS. Đối với bị cáo T có hoàn cảnh khó khăn, vợ cả chết, vợ hiện tại đã bỏ đi, bị cáo lại đang nuôi mẹ già, khi bị cáo phạm tội là lúc mẹ đang ốm nằm viện, kinh tế khó khăn, túng quẫn, cần

có tiền đề trang trải cuộc sống nên nhận thức và xử sự không chuẩn mực; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hiện tuổi đã cao, sức khỏe không tốt, gia đình có đơn trình bày hoàn cảnh, sự việc, đơn được chính quyền địa phương xác nhận; tại phiên tòa người bị hại tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6.] Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, vai trò phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh bản thân và gia đình các bị cáo; khi quyết định hình phạt, HĐXX thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định; tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; tính chất của hành vi phạm tội là nguy hiểm, nhưng động cơ là đơn giản, có phần do nhận thức hạn chế nên có thể áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS cho các bị cáo hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, đồng thời miễn hình phạt bổ sung để các bị cáo yên tâm cải tạo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội.

[7] Đối với Đỗ Tiến Vinh: Sau khi thụ lý vụ án, khi nghiên cứu hồ sơ thấy ngoài các bị can đã bị khởi tố, điều tra, truy tố thì còn có người có liên quan đến vụ án chưa được khởi tố, điều tra, truy tố nên Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung đề nghị khởi tố, điều tra, truy tố đối với Đỗ Tiến Vinh về hành vi “cướp tài sản” với vai trò là đồng phạm. Tuy nhiên, Viện kiểm sát cho rằng ngày 15/10/2020, Vinh đi cùng T và D đến nhà Thanh đòi nợ như mọi lần, khi đến không có Thanh ở nhà thì Vinh ra xe ngồi cùng lái xe. Vinh không biết việc D mang theo dao và có hành vi dùng dao đe dọa lấy tài sản của bà Hải, Vinh cũng không có hỗ trợ gì (cả về vật chất lẫn tinh thần) trong việc Dung và T lấy tài sản từ nhà bà Hải về nhà T nên Vinh không đồng phạm. Vì vậy, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 27/5/2020 với quan điểm Vinh không phạm tội.

Hội đồng xét xử thấy:

- Lời khai ban đầu của của T (BL55 ngày 16/10/2020) phù hợp với lời khai của lái xe về việc T nói với Vinh và D việc bà Hải yêu cầu viết giấy trừ nợ;

- Lời khai ban đầu của D (BL156 ngày 16/10/2020) phù hợp lời khai của lái xe về việc khi chở đồ về đến nhà T thì cả ba T, D và Vinh đều bê đồ vào trong nhà T;

- Lời khai của lái xe về việc từ chối không chở nữa thì Vinh đã có quan điểm.

Đây là những tình tiết cho thấy về ý thức chủ quan thì lúc đầu có thể Vinh không biết các hành vi vượt quá của D và T thực hiện trong nhà bà Hải, nhưng sau đó Vinh đã biết, đã chủ động tiếp nhận hoặc mặc nhiên tiếp nhận hành vi của D và T trong điều kiện tội phạm đã hoàn thành nhưng chưa kết thúc.

Căn cứ Điều 298 của BLTTHS về giới hạn của việc xét xử, Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Để đảm bảo nguyên tắc mọi hành vi vi phạm pháp luật đều phải bị xử lý, tránh bỏ lọt tội phạm. Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy cần kiến nghị Cơ quan Cảnh

sát điều tra và Viện kiểm sát cấp có thẩm quyền tiếp tục xem xét, làm rõ hành vi của Đỗ Tiến Vinh.

[8] Đối với Lê Văn Cương là người được Vinh thuê chở Vinh, D, T và đã có hành vi cho D mượn cò lê và chở đồ lấy của nhà bà Hải đem về nhà T. Tuy nhiên, quá trình đến nhà bà Hải Cương đều ở ngoài xe, không biết việc D và T thực hiện hành vi cướp tài sản; khi cho mượn cò lê cũng không biết mục đích mượn của D. Mặt khác, Cương chỉ suy đoán, không biết rõ cụ thể mục đích và hành vi của các đối tượng nên không có lỗi.

[9] Về vật chứng và trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ số tài sản bị chiếm đoạt và không có ý kiến gì khác; đồng thời, xác nhận việc đã nhận số tiền 04 triệu đồng là tiền bồi thường của gia đình các bị cáo, nay không có yêu cầu, đề nghị gì khác về trách nhiệm bồi thường dân sự; xét thấy đây là sự tự nguyện nên HĐXX chấp nhận, không đặt ra xem xét. Vật chứng còn lại là chuôi dao và lưỡi dao là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về khoản tiền Thanh nợ T, do T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này, giành quyền khởi kiện cho T trong một vụ án khác.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 38; khoản 1 Điều 47; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Điều 106; 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn D phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Xử phạt Phạm Văn T 03 (Ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày 16/10/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Xử phạt Nguyễn Văn D 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày 16/10/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Xác nhận việc người bị hại đã nhận số tiền 04 triệu đồng bồi thường tổn thất tinh thần của bị cáo T và D và không có ý kiến, đề nghị gì khác.

Xác nhận việc người bị hại đã nhận lại toàn bộ số tài sản bị chiếm đoạt gồm tivi, cục nóng điều hòa, loa, đầu đĩa và không có ý kiến, đề nghị gì khác.

Tịch thu tiêu hủy 01 chuôi dao, 01 lưỡi dao có tình trạng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Ứng Hòa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa ngày 23/6/2021.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Giành quyền khởi kiện về việc đòi nợ đối với Nguyễn Thị Thanh cho Phạm Văn T trong một vụ án khác.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ (*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi của chính mình*)./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- CA, VKS, THADS H.Ứng Hoà;
- Bị cáo, Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Kiến

N-ì nhËn:

TM.H□I □□NG X□T X□ S□

THỘM

- TAND TP Hµ Néi;
- CA, VKS, THA huyÖn □ng Hµ;
- BÞ c, o; Ng-êi bÞ h'i;
- L-u HS.

ThËm ph, n – Chñ to' phi^a n toµ

T-ëng Duy Hµ

Héi thËm nh©n d©n

ThËm ph, n – Chñ to' phi^a n toµ

